TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tư do – Hạnh phúc

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25-8-2022
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÀO CAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Trọng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết;
2. Bà Trần Thị Thu Hương.
- ***Thư ký phiên toà***: Ông Phan Quốc Vương - Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.
Ngày 25 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2022/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10/8/2022 giữa các đương sự:
1. Nguyên đơn: Anh N H Đ sinh năm 1991.
Địa chỉ nơi cư trú: Thôn T L, xã P S, huyện A S, tỉnh Nghệ An - Có mặt.
2. Bị đơn: Chị L T C sinh năm 1983.
Địa chỉ nơi cư trú: Thôn N S, xã B P, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/5/2022, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh N H Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L T C tự do tìm hiểu yêu thương nhau, chung sống với nhau như vợ chồng cho đến ngày 02/8/2013 thì Đăng ký kết hôn tại UBND xã B P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc cho đến tháng 4 năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng cãi nhau vì vậy mà chị C đã bỏ đi khỏi nhà anh tại xã P S, huyện A S, tỉnh Nghệ An từ tháng 4 năm 2014 về nhà bố mẹ đẻ tại thôn N S, xã B P, huyện B, Lào Cai hai vợ chồng sống ly thân hẳn và không còn quan tâm đến nhau từ đó cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn, tình trạng hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục nên anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn chị L T C.

- Về con chung, yêu cầu về nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống vợ chồng anh có 01 con chung cháu tên là N H G H sinh ngày 04/11/2013 cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường, từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay cháu H trực tiếp ở cùng anh và bà ông bà nội. Nay ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con. Anh có việc làm ổn định tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Vĩnh Cửu Miền Bắc thu nhập bình quân hàng tháng của anh được 14.000.000 đồng đảm bảo việc trực tiếp nuôi dưỡng cháu H mà không cần chị C phải cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

- Về quan hệ tài sản; quyền và nghĩa vụ về tài sản: Vợ chồng anh không có tài sản chung không vay nợ ai, không cho ai vay nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Về phía bị đơn:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bà L T L là mẹ đẻ cùng nơi cư trú với bị đơn L T C, bà L đã thông báo lại toàn bộ các văn bản tố tụng của Toà án cho chị L T C, tuy nhiên chị C không có ý kiến gì về việc anh N H Đ đề nghị Toà án giải quyết ly hôn, và nguyện vọng được trực tiếp nuôi con khi ly hôn. Khi tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải chị C cũng không có mặt nên Toà án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, không tiến hành hoà giải được vụ án và ra thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định cho bị đơn vắng mặt. Toà án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Đ kiện ly hôn chị C, chị C đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn N S, xã B P, huyện B do vậy đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã giao cho nguyên đơn, tống đạt hợp lệ cho bị đơn đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải nên Tòa án chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải được vụ án. Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ cho các đương sự nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất Tòa án phải hoãn tòa. Tại phiên tòa này bị đơn vẫn vắng mặt do vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Đ và chị C có Đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 02/8/2013 tại UBND xã B P, huyện B; vào thời điểm kết hôn anh chị không vi phạm về điều kiện kết hôn và địa điểm đăng ký kết hôn do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Việc anh Đ kiện ly hôn chị C, Tòa án xét thấy:

Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng anh chị hòa thuận hạnh phúc cho đến tháng 4 năm 2014 thì đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng cãi nhau nên chị C đã bỏ đi khỏi nhà anh tại xã P S, huyện A S, tỉnh Nghệ An về nhà bố mẹ đẻ tại thôn N S, xã B P, huyện B vợ chồng ly thân từ đó và không còn quan tâm đến nhau cho đến nay. Xét thấy anh chị đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2014 đến nay không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy việc anh Đ kiện ly hôn với chị C là có căn cứ nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh N H Đ được ly hôn chị L T C.

[3] *Về nuôi con khi ly hôn*: Anh Đ và chị C có 01 con chung là cháu N H G H sinh ngày 01/11/2013 cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện nay anh chị sống ly thân cháu H đang trực tiếp ở với anh và ông bà nội, khi ly hôn anh Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, trong thời gian vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2014 cho đến nay chị C không đến thăm con lần nào. Xét đến quyền lợi về mọi mặt, sự phát triển về thể chất, tinh thần và về lâu dài của con, cháu H có nguyện vọng được trực tiếp ở với bố. Vì những căn cứ trên nên xử giao cháu N H G H cho anh N H Đ được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình và các quy định khác của pháp luật.

[4] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn*:

Anh Đ làm nghề Cán bộ kỹ thuật tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Vĩnh Cửu Miền Bắc thu nhập bình quân hàng tháng được 14.000.000 đồng, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H sau khi ly hôn không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con, xét về nguyện vọng, điều kiện công việc làm và mức thu nhập Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp nên được chấp nhận.

[5] *Về nghĩa vụ chịu án phí*: Anh N H Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; các Điều 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho anh N H Đ được ly hôn với chị L T C.

2. *Về nuôi con khi ly hôn*: Xử giao cháu N H G H sinh ngày 04/11/2013 cho anh N H Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Chị L T C không phải cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí*: Anh N H Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002935 ngày 18/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai. Anh N H Đ đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

4. *Quyền kháng cáo đối với bản án*: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh;
- VKSND H. B (2);
- Chi cục THADS H. B;
- UBND xã B P,
H. B, tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Trần Bình Trọng